

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/KDTM-PT
Ngày: 12-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân;
Bà Trần Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 23/2019/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH CN B; địa chỉ: thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Trần Cao Q, sinh năm 1976; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/9/2018), có mặt.

2. Ông Lê Đình L, sinh năm 1988; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/9/2018), vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH SX DN; địa chỉ: thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2019).

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH SX DN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-10-2018 và ngày 20-11-2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Trần Cao Q trình bày:

Công ty TNHH CN B (sau đây viết tắt là Công ty B) bán mặt hàng NC bóng, NC lót trong, nước màu, NC dầu chuối, NC dung môi, PU lót trắng, PU chất cứng, PU dầu chuối, sơn, bột, chất chậm khô, tinh dầu, NC chất ngã vàng cho Công ty TNHH SX DN (sau đây viết tắt là Công ty DN). Trong quá trình giao dịch, hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà liên hệ qua điện thoại, phương thức thanh toán là Công ty B xuất hóa đơn giá trị gia tăng, khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng Công ty DN thanh toán tiền cho Công ty B. Từ ngày 30-12-2017 đến ngày 24-3-2018, Công ty DN nhiều lần liên hệ qua điện thoại mua các hàng hóa nêu trên của Công ty B với tổng số tiền 2.363.231.024 đồng. Ngày 01-6-2018 và ngày 09-8-2018, Công ty DN có chuyển trả cho Công ty B tổng số tiền 299.868.000 đồng và còn nợ số tiền 2.063.363.024 đồng. Công ty B rất nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty DN thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty DN vẫn không thanh toán. Do vậy, Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty DN phải thanh toán số tiền còn nợ là 2.063.363.024 đồng. Về tiền lãi chậm thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01-4-2018 đến ngày 16-3-2019 (là 11 tháng 15 ngày), mức lãi suất là 1,3%/ tháng là $2.063.363.024 \text{ đồng} \times 1,3\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 308.472.768 \text{ đồng}$. Tổng cộng nguyên đơn Công ty B yêu cầu bị đơn Công ty DN thanh toán số là 2.371.835.792 đồng.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0005907 ngày 24-3-2018; 0005862 và 0005863 ngày 28-02-2018; 0005823 và 0005824 ngày 31-01-2018; 0005723, 0005724 và 0005725 ngày 30-12-2017; lệnh thanh toán ngày 01-6-2018 và ngày 09-8-2018.

Bị đơn Công ty DN đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CN B đối với Công ty TNHH SX DN về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Buộc Công ty TNHH SX DN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH CN B tổng số tiền 2.371.835.792 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 2.063.363.024 đồng và nợ lãi là 308.472.768 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 23/4/2019, bị đơn Công ty DN có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận có quan hệ mua bán hàng hóa với nguyên đơn và số tiền nợ như bản án sơ thẩm đã xác định, do số hàng hóa của nguyên đơn bán cho bị đơn không đảm bảo chất lượng nên bị đơn bị khách hàng phạt trừ tiền, đồng thời hiện nay bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính nên chấp nhận trả số tiền còn nợ là 2.371.835.792 đồng, đề nghị nguyên đơn không tính tiền lãi chậm trả.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng trong quá trình giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên, bị đơn không có ý kiến về việc hàng của nguyên đơn không đảm bảo chất lượng, vấn đề này chỉ được bị đơn đặt ra tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với đề nghị không tính tiền lãi chậm trả của bị đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bản án sơ thẩm xử buộc bị đơn trả tiền nợ và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty DN làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

Nguyên đơn có hai người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Cao Q và ông Lê Đình L. Tại phiên tòa, vắng mặt ông Lê Đình L. Theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2018 của Công ty B (BL 02-03), trong trường hợp một người đại diện vắng mặt, người còn lại được đại diện công ty tham gia tố tụng. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty B và Công ty DN có quan hệ mua bán hàng hóa. Hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản mà liên hệ qua điện thoại, phương thức thanh toán là khi nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty B, Công ty DN thanh toán tiền cho Công ty B. Từ ngày 30-12-2017 đến ngày 24-3-2018, Công ty DN nhiều lần liên hệ qua điện thoại mua các hàng hóa của Công ty B với tổng số

tiền 2.363.231.024 đồng. Ngày 01-6-2018 và ngày 09-8-2018, Công ty DN có chuyển trả cho Công ty B tổng số tiền 299.868.000 đồng và còn nợ số tiền 2.063.363.024 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn không có ý kiến phản đối về nội dung trình bày của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về các giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên và số tiền chưa thanh toán. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Công ty DN còn nợ Công ty B tiền mua hàng = $(2.363.231.024 \text{ đồng} - 299.868.000 \text{ đồng}) = 2.063.363.024 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại, nếu hai bên không có thỏa thuận thời hạn thanh toán thì bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Thời điểm cuối cùng Công ty DN mua hàng và Công ty B giao chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty DN là ngày 24-3-2019. Tuy nhiên, đến nay Công ty DN vẫn chưa thanh toán hết tiền mua hàng cho Công ty B nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B, buộc Công ty DN phải thanh toán số tiền 2.063.363.024 đồng cho Công ty B là có cơ sở.

[2.2] Bị đơn kháng cáo không đồng ý về việc tính lãi trong bản án sơ thẩm vì cho rằng trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty B và Công ty DN không có đề cập nội dung này. Đồng thời hàng hóa Công ty DN mua từ Công ty B xuất đi nước ngoài bị khách hàng phạt do giao hàng không đúng tiến độ, hàng bị lỗi, sơn kém chất lượng, khách hàng yêu cầu bồi thường và phạt trừ tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp chứng cứ là các văn bản gửi qua mail: Invoice ngày 01/4/2018 – 30/4/2018; ngày 01/05/2018 – 31/5/2018; ngày 01/6/2018 – 30/6/2018.

Xét thấy, Công ty B và Công ty DN không có thỏa thuận về việc miễn trừ trách nhiệm do chậm thanh toán. Tháng 3/2018, Công ty DN đã khai báo thuế đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 05907 ngày 24-3-2018, là hóa đơn sau cùng mà nguyên đơn xuất cho bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính thời gian chậm thanh toán sau ngày xuất hóa đơn cuối cùng là ngày 01-4-2018 mà không tính theo thời gian chậm trả từng hóa đơn và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 16-3-2019 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc Công ty DN phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty B số tiền $2.063.363.024 \text{ đồng} \times 1,3\% \times 11 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 308.472.768 \text{ đồng}$ là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Bị đơn không đồng ý việc tính lãi trong bản án sơ thẩm vì cho rằng trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty B và Công ty DN không có đề cập nội dung là không có cơ sở.

Xét ý kiến của bị đơn cho rằng hàng hóa Công ty DN mua từ Công ty B xuất đi bị khách hàng phạt do giao hàng không đúng tiến độ, hàng bị lỗi, sơn kém chất lượng, khách hàng yêu cầu bồi thường và phạt nặng; Trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp

lệ nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ,... Do bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ việc là đúng quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp các văn bản thể hiện nội dung các email và cho rằng các email này do khách hàng của bị đơn gửi cho bị đơn về việc phản ảnh hàng kém chất lượng và phạt trừ tiền bán hàng của bị đơn. Tuy nhiên các email đều có nội dung là tiếng nước ngoài, chưa được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định tại khoản 3 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự, không rõ người gửi và mối quan hệ giữa người gửi với bị đơn,... nên các email này không được xem là chứng cứ. Đồng thời, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận việc trả nợ gốc, chỉ yêu cầu xem xét việc tính lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH SX DN phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1) Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH SX DN.

2) Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH CN B đối với Công ty

TNHH SX DN về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH SX DN có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH CN B tổng số tiền 2.371.835.792 đồng (Hai tỷ ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 2.063.363.024 đồng và nợ lãi là 308.472.768 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH SX DN phải chịu 79.436.715 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH CN B số tiền 38.689.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014608 ngày 12-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH SX DN phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0036761 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/8/2019./.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|----|
| - Các đương sự; | 05 |
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 01 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 01 |
| - TAND thị xã T; | 01 |
| - Tổ HCTP; | 02 |
| - Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế. | 02 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh